

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		HSD+AMD	7:25	7+15	0+0		4+16	0+0	
2		PPD+P5	7:25	22+0	0+0		14+6	0+0	
3		AMD+TGTH1	7:30	13+5	0+0		8+6	0+0	
4		TD2	7:30	10	0		18	0	
5		P2+BK4+BK5	9:25	21+1+0	0+0+0		4+0+1	0+0+0	
6		RP3+RC5+GTC1	9:25	14+6+2	0+0+0		6+0+0	0+0+0	
7		CTC1+TD2	9:25	7+7	0+0		1+17	0+0	
8		PPD	11:25	22	0		0	0	
9		TD2	11:30	6	0		18	0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 07:30
B.CARD: VANG-1	TO: HSD - AMD	CREW: KHOAN - N.ANH - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01	VNHS FLIGHT: TM26/4033		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN MINH DANG	HSD	92-93	2	16			75	TLJOC	Vietnamese
2	PHAM TIEN	HSD	94-95	2	10	1	20	87	TLJOC	Vietnamese
3	DO TRONG NGHIA	HSD	39-40	2	10			67	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYỄN BÁ QUÂN	HSD	90-91	2	9			81	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN THANH MAI	HSD	05	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH TÙNG	HSD	58	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT THẮNG	HSD	77	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG TUẤN ANH	AMD	04	1	10	3	80	88	CODIEN	Vietnamese
9	HOÀNG THANH TUYỀN	AMD	01-03	3	17	1	2	73	CODIEN	Vietnamese
10	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	06	1	7			64	BAB	Vietnamese
11	VŨ HỮU QUYẾT	AMD	07-08	2	16			69	ABS	Vietnamese
12	NGUYỄN NHƯ BẢO CHƯƠNG	AMD	10-11	2	9			83	KH-THAC	Vietnamese
13	TRỊNH VĂN PHA	AMD	15	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	12	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN THÙY	AMD	22-23	2	16			75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	05	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HIẾU THẢO	AMD	20-21	2	12			59	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUANG LONG	AMD	13-14	2	7			68	KH-THAC	Vietnamese
19	BÙI VIỆT PHƯƠNG	AMD	18	1	6			67	PHANTA	Vietnamese
20	PHẠM THANH THÔNG	AMD	19	1	6			72	PHANTA	Vietnamese
21	LƯƠNG ĐỨC HÙNG	AMD	16-17	2	15			64	PHANTA	Vietnamese
22	CAO VĂN DŨNG	AMD	09	1	9			62	PHANTA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HSD	7	513	11	61	1	20	4		
2	AMD	15	1.037	23	143	4	82	16		
TOTAL		22	1.550	34	204	5	102	20		
WEIGHT KG			1.550		204		102			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8426	ETD: 07:35
B.CARD: TRANG-1	TO: PPD - P5	CREW: HUNG - N.CƯƠNG - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/4037	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN VĂN THẮNG	PPD	08	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	05	1	9			58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC CỪ	PPD	04	1	3	1	15	62	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐÌNH HIẾU	PPD	22	1	17			72	XAYLAP	Vietnamese
5	BÙI ĐÌNH THỌ	PPD	23-24	2	18			78	XAYLAP	Vietnamese
6	CHÊ NGỌC TỬ	PPD	13-14	2	19			80	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN ĐÌNH HÙNG	PPD	20	1	15	4	70	71	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN NINH	PPD	17-18	2	12			73	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	26	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ QUANG HUY	PPD	09	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC VIỆT	PPD	02	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ HỮU THÁI	PPD	25-26	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	03	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG KIÊN	PPD	19	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ SỸ KHOA	PPD						75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH HIỀN	PPD	06-07	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	01	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	10	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THẾ HUY	PPD	12	1	16			76	CODIEN	Vietnamese
20	ĐỖ CHUNG KIÊN	PPD	27	1	3			62	KHI	Vietnamese
21	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	15	1	4			72	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN DUC LAM	PPD	11	1	2			69	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.520	26	176	5	85	14		
2	P5	0	0	0	0	2	40	6		
TOTAL		22	1.520	26	176	7	125	20		
WEIGHT KG			1.520		176		125			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST

Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8614	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: AMD - TGTH1	CREW: NKHÁNH - TRÌNH	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/4031	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG VIỆT DŨNG	AMD	72	1	9			75	PHANTA	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG THÀNH	AMD	70-71	2	13			66	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	75	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG ĐÌNH VINH	AMD	78-79	2	15			65	KH-THAC	Vietnamese
5	THÁI BẢ HÙNG	AMD	66	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	73-74	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH THÁI	AMD	580-581	2	7			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THÀNH TÂN	AMD	67	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	77	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TOÀN	AMD	76	1	8			55	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN THIÊN	AMD	69	1	8			67	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VŨ DUYÊN	AMD	582	1	6			68	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	AMD	68	1	4			57	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	84	1	12			62	HLJOC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC NHÃ	TGTH1	83	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
16	BÙI VĂN HƯỜNG	TGTH1	85	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẬU SỸ ĐIỆP	TGTH1	19	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG TRÍ	TGTH1	81-82	2	14			83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	13	882	17	108	0	0	8		
2	TGTH1	5	350	6	46	0	0	6		
TOTAL		18	1.232	23	154	0	0	14		
WEIGHT KG			1.232		154		0			

GRAND TOAL: 1.386 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN VĂN KHÁNH
TRẦN KHÁNH TRÌNH

☐
☒



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8618	ETD: 07:25
B.CARD: XANH-1	TO: TD2	CREW: HHẢI - VƯƠNG	ETA: 10:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/4030	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HỒ VĂN HÙNG	TD2	100	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN HẢI	TD2	07	1	2			84	KHOAN	Vietnamese
3	ZELENSKY ANDREY	TD2	10-11	2	11			95	KH-THAC	Russian
4	PHAN VIỆT TÙNG	TD2						74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRÙNG DƯƠNG	TD2	05	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TIẾN THẮNG	TD2	06	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGÔ HOÀN	TD2	02-03	2	13			64	YTE	Vietnamese
8	SOSNIN DENIS	TD2	04	1	10	4	32	94	VTB	Russian
9	KHUẤT NGỌC THẮNG	TD2	09	1	6			82	NHATHAU	Vietnamese
10	NGUYỄN QUYẾT TUYẾN	TD2	12-14	3	16	6	114	58	NHATHAU	Vietnamese
11	NGUYEN THE VAN	TD2	01	1	8			79	XAY LAP	Vietnamese
12	TRAN VAN DUNG	TD2	08	1	8			78	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	12	917	15	89	16	146	18		
TOTAL		12	917	15	89	16	146	18		
WEIGHT KG			917		89		146			

GRAND TOAL: 1.152 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

ĐỖ HOÀNG HẢI
TRẦN HÙNG VƯƠNG



xin để tay bên ghế trái



VIETSOVPETRO

XNLD VIETSOVPETRO

GIÀN TAM ĐẢO 02

Điện thoại: 0918532945

Đường bay: TD2

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Ngày: 31/8/2026	Nơi xuất phát: BK-TNG	Số hiệu máy bay:	Giờ cất cánh: 7:30'
Chuyến bay: 01	Nơi đến: Vũng tàu	Tổ bay:	Giờ hạ cánh:

Hành khách

STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Quốc tịch	Chức vụ	Công ty	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	Kg
1	Lưu Thế Anh	20382	Việt Nam	Giản trưởng	VSP-KhaiThac	1	3	71
2	Quách Văn Thao	21102	Việt Nam	Bác sĩ	VSP - Y Tế	1	5	72
3	Phạm Quang Quý	17042	Việt Nam	CV Công Nghệ	VSP-KhaiThac	1	5	65
4	Vũ Duy Dũng	20820	Việt Nam	KS Công Nghệ	VSP-KhaiThac	1	8	70
5	Nguyễn Văn Chính	16171	Việt Nam	Thợ VH	VSP-KhaiThac	1	3	60
6	Trần Văn Sơn	18525	Việt Nam	Thợ nguội	VSP-KhaiThac	1	5	65
7	Nguyễn Huy Du	16179	Việt Nam	Thợ ĐLT	VSP-KhaiThac	1	5	88
8	Đường Ngọc Hiền	21986	Việt Nam	Thợ VH	VSP-KhaiThac	1	5	64
9	Lâm Văn Hạnh	18442	Việt Nam	Thợ nguội	VSP-KhaiThac	1	13	62
10	Hoàng Vũ Hải	22304	Việt Nam	Thợ nguội	VSP-KhaiThac	2	10	63
11	Trần Đình Chương	900338	Việt Nam	Ks. Cơ khí	VSP-KhaiThac	1	10	64
12	Trần Đình Phương	22040	Việt Nam	Thợ nguội	VSP-KhaiThac	1	15	72
13	Phạm Tiến Dũng	9763	Việt Nam	Thợ điện	VSP-XNCD	2	20	63
14	Tô Tiến Hùng	19458	Việt Nam	Thợ điện	VSP-XNCD	4	17	70
15	Nguyễn Hoàng Minh ✓	21775	Việt Nam	Thợ điện	VSP-XNCD	3	15	67
16	Hà Mạnh Hoàng	17474	Việt Nam	Thợ máy DL	VSP-XNCD	2	18	72
17	Nguyễn Văn Chính	34080008600	Việt Nam	Thợ lắp	Phateco	1	4	63
18	Đặng Thế Hiền	VAM	Việt Nam	Chuyên gia	VAM	2	16	61
Σ	18					27	177	1212

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)
1	Thiết bị điện	Vũng Tàu	1	45
2	Thiết bị thí nghiệm	Vũng Tàu	1	30

Ghi chú:

Bs/Quản trị:

Bs. Quách Văn Thao

Đại diện giàn:

Phi công trưởng:

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	18	1212
Hành lý	27	177
Hàng hóa	2	75
Tổng cộng	47	1464

FLIGHT MANIFEST

Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P2 - BK4 - BK5	CREW: KHOÀN - N.ANH - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/4034	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM QUỐC TRƯỞNG	P2	12-13	2	16			64	XAYLAP	Vietnamese
2	TRÌNH HỒNG SƠN	P2	01	1	14			61	XAYLAP	Vietnamese
3	CÙ THẾ CẢNH	P2	02-03	2	19			58	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TOÀN	P2	15-16	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN NGỌC	P2	04-05	2	23			81	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ANH BẢO	P2	97	1	4	2	40	64	YTE	Vietnamese
7	LÊ ANH TỬ	P2	08-09	2	9			78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐỒNG	P2	18	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG ĐỨC LINH	P2	19	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TÂN	P2	07	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ HUY QUỲNH	P2						65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH TUÂN	P2						76	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ SỸ VANG	P2	20	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ CÔNG ANH	P2	95	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	300	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM ANH ĐỨC	P2	10-11	2	11			70	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀ VĂN TRUNG	P2	14	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
18	PHUNG ANH TUÂN	P2	06	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THANH HIỂN	P2	17	1	3			82	KH-THAC	Vietnamese
20	BÙI TRẦN VIỆT	P2	98-99	2	9			64	KH-THAC	Vietnamese
21	SHEREMETIEV A.V.	P2	96	1	10			83	KH-THAC	Russian
22	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4	59-60	2	13	1	20	69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	21	1.480	26	190	2	40	4		
2	BK4	1	69	2	13	1	20	0		
3	BK5	0	0	0	0	2	35	1		
TOTAL		22	1.549	28	203	5	95	5		
WEIGHT KG			1.549		203		95			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RP3 - RC5 - GTC1	CREW: HÙNG - N.CƯỜNG - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/4038	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN NGỌC HÀ	RP3	16	1	5			101	KHI	Vietnamese
2	HÀ TUẤN ANH	RP3	15	1	7			55	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CAO	RP3	09	1	9			67	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG PHÚC PHI	RP3	20	1	6	2	33	71	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN CẢNH THÂN	RP3	21	1	5			62	KHI	Vietnamese
6	NGÔ TRUNG TRỰC	RP3	19	1	9			74	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀI HÂN	RP3	21	1	6			72	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG MINH	RP3	13-14	2	11			81	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN KIM TUẤN	RP3	18	1	10	1	18	94	KHI	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HOÀNG	RP3	17	1	7			82	KHI	Vietnamese
11	HO VAN DAT	RP3	12	1	9			79	KHI	Vietnamese
12	MAI MINH TIẾN	RP3	23	1	5			70	PSV	Vietnamese
13	PHẠM BÁ HOÀNG	RC5	54,60	2	16			74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RC5	61,63	2	19			61	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VŨ HOÀNG	RC5	58-59	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO THANH HỢP	RC5						66	KH-THAC	Vietnamese
17	VÔ THANH TỬ	RC5	55-56	2	18	2	25	70	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯƠNG TUẤN ANH	RC5	57	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	GTC1	18	1	15	2	30	67	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ THÁI THÀNH	GTC1	19-20	2	18	1	5	80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	12	908	13	89	3	51	6		
2	RC5	6	416	9	73	2	25	0		
3	GTC1	2	147	3	33	3	35	0		
TOTAL		20	1.471	25	195	8	111	6		
WEIGHT KG			1.471		195		111			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8622	ETD: 09:30
B.CARD: TÍM-2	TO: CTC1 - TD2	CREW: HOÀI - CHIẾN	ETA: 12:40
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/4032	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN KHẮC SƠN	CTC1	09	1	10	1	15	55	XAYLAP	Vietnamese
2	VŨ ĐỨC TÙNG	CTC1	21	1	4	3	19	77	YTE	Vietnamese
3	PHẠM ANH TUẤN	CTC1	15-16	2	13			60	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG MẠNH PHÚ	CTC1	12	1	13	4	67	80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRÃI	CTC1	11	1	15			66	KH-THAC	Vietnamese
6	CHÂU HÙNG HẢI	CTC1	13	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN TÚ	CTC1	14	1	8			54	PSV	Vietnamese
8	DOROSHENKO MAXIM	TD2	25	1	9			97	KHOAN	Russian
9	NGUYỄN THÀNH NAM	TD2	29	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
10	TÔ HIỂN THÀNH	TD2	26	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THI	TD2	27	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	7	466	8	73	8	101	1		
2	TD2	4	293	4	28	0	0	16		
TOTAL		11	759	12	101	8	101	17		
WEIGHT KG			759		101		101			

GRAND TOAL: 961 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

PHẠM NGỌC HOÀI

ĐỖ VĂN CHIẾN





VIETSOVPETRO

XNLD VIETSOVPETRO

GIÀN TÀM ĐÀO 02

Điện thoại: 0918532945

Đường bay: TD2

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Ngày: 31/8/2026	Nơi xuất phát: BK-TNG	Số hiệu máy bay:	Giờ cất cánh: 9:25"
Chuyến bay: 02	Nơi đến: Vũng tàu	Tổ bay:	Giờ hạ cánh:

Hành khách

STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Quốc tịch	Chức vụ	Công ty	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	Kg
1	Phạm Hữu Phước	21294	Việt Nam	KS CK-ĐL	VSP-KhaiThac	1	3	75
2	Nguyễn Lâm Giang	18547	Việt Nam	Thợ tiện-nguội	VSP-KhaiThac	1	5	73
3	Nguyễn Tiến Thành	17309	Việt Nam	CV An toàn	VSP-KhaiThac	1	8	63
4	Lê Duy Đức	20838	Việt Nam	KS Điện-TĐH	VSP-KhaiThac	2	10	64
5	Bùi Trọng Hưng	21321	Việt Nam	Thợ Điện - TĐH	VSP-KhaiThac	1	6	60
6	Nguyễn Xuân Hải	17582	Việt Nam	Thợ Turbine	VSP-KhaiThac	1	4	73
7	Phạm Quốc Khánh	21241	Việt Nam	KS. CK	VSP-XNCD	2	21	90
8	Mai Đình Khang	17951	Việt Nam	Thợ máy ĐL	VSP-XNCD	1	12	55
9	Nguyễn Văn Cao	13283	Việt Nam	CV	VSP-XNCD	1	15	63
10	Nguyễn Văn Anh	21237	Việt Nam	Thợ điện-TĐH	VSP-XNCD	1	14	66
11	Nguyễn Đại Nghĩa	17470	Việt Nam	Thợ ĐL	VSP-XNCD	1	15	58
12	Nguyễn Quốc Biểu	17019	Việt Nam	Thợ ĐL	VSP-XNCD	2	19	63
13	Nguyễn Văn Lém	13442	Việt Nam	Thợ máy ĐL	VSP-XNCD	1	11	66
14	Hà Quang Huy	17503	Việt Nam	Thợ ĐL	VSP-XNCD	1	10	65
15	Phùng Bá Đệ	12803	Việt Nam	Thợ máy ĐL	VSP-XNCD	2	12	70
16	Nguyễn Văn Đoàn	20965	Việt Nam	Thợ ĐL	VSP-XNCD	3	26	96
17	Hoàng Quốc Huy		Việt Nam		VSP-XNCD	2	15	86
18	Trần Đình Hiệp		Việt Nam		VSP-XNCD	1	17	67
Σ	18					25	223	1253

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)
1			0	0
2			0	0

Ghi chú:

Bs/Quản trị:

Bs. Quách Văn Thao

Đại diện giàn:Nguyễn Văn Hùng.

Phi công trưởng

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	18	1253
Hành lý	25	223
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	43	1476



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: PPD	CREW: DU'ONG - MTHAO - THU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/4035	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	59	1	6			62	KHI	Vietnamese
2	VÕ VĂN QUYỀN	PPD	58	1	2			71	KHI	Vietnamese
3	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	800	1	6			77	KHI	Vietnamese
4	PHẠM VĂN SƠN	PPD	62-63	2	6			61	KHI	Vietnamese
5	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	70	1	6			78	KHI	Vietnamese
6	ĐOÀN THÀNH CÔNG	PPD	60-61	2	20	6	93	73	KHI	Vietnamese
7	TRƯƠNG HẢI HÀ	PPD	69	1	6			72	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TẤT KHÁNH	PPD	71	1	7			68	KHI	Vietnamese
9	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD						85	KHI	Vietnamese
10	BÙI NGỌC HƯƠNG	PPD	65	1	6			61	KHI	Vietnamese
11	LÊ THÀNH TRUNG	PPD	64	1	4			65	KHI	Vietnamese
12	HOÀNG HUY TIẾN	PPD	32	1	6			55	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	38	1	6			78	KHI	Vietnamese
14	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	57	1	6			65	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	PPD	36	1	7			67	KHI	Vietnamese
16	ĐINH VĂN BIÊN	PPD	34-35	2	16			70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TIEN GIEM	PPD	98-99	2	13			75	KHI	Singapore
18	LÊ QUANG NINH	PPD	41	1	6	5	80	63	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	PPD	66	1	15	2	18	78	KHI	Vietnamese
20	LƯU QUÝ TRUNG	PPD	39-40	2	15			73	PSV	Vietnamese
21	LÊ NHỎ CANG	PPD	37	1	6			70	PSV	Vietnamese
22	TÔ CÔNG TÁNH	PPD	33	1	4			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	22	1.529	26	169	13	191	6		
TOTAL		22	1.529	26	169	13	191	6		
WEIGHT KG			1.529		169		191			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIẾP

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 31/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8618	ETD: 11:30
B.CARD: XANH-3	TO: TD2	CREW: LTUẤN - MẠNH	ETA: 13:40
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/4051	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2	62	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯU ĐỨC NGUỒN	TD2	61	1	4	10	180	73	GETRACO	Vietnamese
3	TRẦN TỬ LONG	TD2	59	1	4			68	PSV	Vietnamese
4	TRẦN VĂN QUÂN (1977)	TD2	58	1	4			71	PSV	Vietnamese
5	ĐOÀN ĐẮC TÙNG	TD2	55	1	7			58	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	TD2	57	1	3			62	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN THU TRANG	TD2	63	1	10			74	PSV	Vietnamese
8	TÔ HUNG DUNG	TD2	60	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HAI	TD2						80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC HIỆU	TD2	56	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	10	693	9	52	10	180	18		
TOTAL		10	693	9	52	10	180	18		
WEIGHT KG			693		52		180			

GRAND TOTAL: 925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

ĐẶNG NGỌC MẠNH





XNLD VIETSOVPETRO

GIÀN TÀM ĐÀO 02

Điện thoại: 0918532945

Đường bay: TD2

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Ngày: 31/8/2026	Nơi xuất phát: BK-TNG	Số hiệu máy bay:	Giờ cất cánh: 11:25'
Chuyến bay: C3	Nơi đến: Vũng tàu	Tổ bay:	Giờ hạ cánh:

Hành khách

STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Quốc tịch	Chức vụ	Công ty	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	Kg
1	Lại Minh Hoàng	21530	Việt Nam	Thợ điện-TĐH	VSP-KhaiThac	0	0	80
2	Nguyễn Hoàng Tùng	34080012667	Việt Nam	KS CK-DL	Getraco	1	6	68
3	Hoang Giang Lam	044071007706	Việt Nam	Đốc công	Petrosetco	0	0	80
4	Nguyễn Văn Trung	038075006539	Việt Nam	Bếp trưởng	Petrosetco	1	10	78
5	Ng Trọng Tấn Nghĩa	077099003364	Việt Nam	Phụ bếp	Petrosetco	1	7	66
6	Mai Cao EINH	038083001055	Việt Nam	Tạp vụ	Petrosetco	1	8	60
7	Phạm Minh Tâm	079091012267	Việt Nam	Phụ bếp	Petrosetco	1	8	60
8	Nguyễn Văn Xuân	77083007	Việt Nam	Kiểm định	DK9	1	6	70
9	Lê Anh Sơn		Việt Nam	NV	DMC	2	17	69
10	Bạch Thiên Hoài Nhân		Việt Nam	NV	DMC	3	12	62
11	Lê Văn Chương		Việt Nam	NV	DMC	3	11	51
12	Trần Ngô Hồng Sơn		Việt Nam	NV	DMC	2	13	78
13	Nguyễn Quang Hoan		Việt Nam	NV	DMC	2	20	77
14	Đào Anh Huynh		Việt Nam	điện	ĐVL	2	16	64
15	Đoàn Phúc Hoàng		Việt Nam	điện	ĐVL	2	17	70
16	Võ Chí Thanh		Việt Nam	điện	ĐVL	2	19	74
17	Nguyễn Thành Luân		Việt Nam		XNKT	1	9	54
18	Doroshenko Maxim		Nga	Capt	XNK	1	9	90
19	Karravka Ivan		Nga	Capt	XNK	1	8	90
Σ	19					27	196	1341

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)
1			0	0
2			0	0

Ghi chú:

Bs/Quản trị:

Bs. Quách Văn Thao

Đại diện giàn:

Phi công trưởng:

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	19	1341
Hành lý	27	196
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	46	1537